|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  Số: /BC-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách của Luật Quản lý thuế**

Về tình hình trong nước, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức đan xen. Đáng chú ý là hiện tượng suy giảm nguồn thu ngân sách ở nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng điểm vốn có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu không chỉ đạt thấp hơn so với mục tiêu đề ra mà còn giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi thiên tai, dịch bệnh, hạn hán và bão lũ diễn biến khó lường, gây thiệt hại nặng nề cho nhiều địa phương. Những yếu tố này đã tạo áp lực rất lớn lên công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản lý thuế nói riêng, đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và linh hoạt để thích ứng với tình hình mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế nhằm tạo môi trường kinh daonh công bằng, minh bạch và bên vững.

Về bối cảnh quốc tế, nền kinh tế toàn cầu đang trải qua giai đoạn đầy thách thức với tăng trưởng chậm và áp lực lạm phát cao. Điều này buộc các nền kinh tế lớn phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và duy trì mặt bằng lãi suất cao, tạo ra hiệu ứng domino làm suy giảm hoạt động thương mại, tiêu dùng và đầu tư trên phạm vi toàn cầu. Đặc biệt, xu hướng gia tăng các hàng rào bảo hộ và phòng vệ thương mại đã tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tạo áp lực đối với các quốc gia trong việc phải cải cách hệ thống thuế để thích ứng với nền kinh tế số, chuyển đổi số mạnh mẽ cùng với những xu thế cải cách thuế toàn cầu mới.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Luật QLT năm 2019) đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát các định hướng then chốt của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngân sách và đảm bảo nền tài chính quốc gia bền vững. Luật không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025 mà còn thể hiện rõ cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt, Luật đã cụ thể hóa Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, tinh gọn và hiệu quả, trong đó lấy nền tảng thuế điện tử làm trọng tâm. Bên cạnh đó, Luật đã tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tháo gỡ khó khăn và khuyến khích đầu tư kinh doanh. Điểm nổi bật là Luật đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, Luật cũng đảm bảo được tính đồng bộ với pháp luật quốc tế, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước.

Đặc biệt, Luật QLT năm 2019 đã đưa ra khuôn khổ cải cách toàn diện với 10 nhóm chính sách then chốt: (1) các quy định nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, chống xói mòn cơ sở tính thuế; (2) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết để phòng chống chuyển giá; (3) quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử và cải cách công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh theo hướng hiện đại, tăng cường tính minh bạch và vai trò của chính quyền địa phương; (4) quy định về quản lý thuế theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp quản lý rủi ro; (5) quy định về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; (6) quy định quản lý thuế đối với các ngành đặc thù; (7) quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế; (8) quy định về chế tài trong công tác quản lý thuế; (9) các quy định về hoàn thuế và (10) các quy định khác về quản lý thuế. Những nhóm chính sách này không chỉ thể hiện tư duy đổi mới trong quản lý thuế mà còn khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch và hiệu quả.

Qua 05 năm thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019, công tác quản lý thuế, thu thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu; nhận thức của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (NSNN) được nâng cao; bộ máy hành chính thuế không ngừng được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức quản lý thuế từng bước chuyên nghiệp, chuyên sâu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Quản lý thuế cũng bộc lộ không ít hạn chế, vướng mắc, chưa phù hợp với ngành đặc thù được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành như dầu khí, làm tăng thủ tục hành chính, tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế vừa ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam, vừa ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan quản lý thuế. Ngoài ra, số lượng người nộp thuế tăng nhanh; mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế đã có sự thay đổi cả về quy mô và phương thức; khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ; các tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ngày càng nhiều. Những nhân tố này dẫn đến những thay đổi căn bản trong công tác quản lý người nộp thuế.

Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Luật Quản lý thuế năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để hoàn thiện.

**2. Quá trình thực hiện tổng kết**

**2.1. Đánh giá chung**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Trên cơ sở thực hiện đồng thời các nhiệm vụ tổng kết thi hành và nghiên cứu, rà soát đối với Luật Quản lý thuế năm 2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019 và ngày 29/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 56/2024/QH15. Theo đó, tại Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều là những nội dung mang tính cấp bách để thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

Qua quá trình triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ thiết thực cho người nộp thuế.

**2.2. Quá trình thực hiện tổng kết**

Triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật QLT năm 2019, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động đánh giá, tổng kết như sau:

(1) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật QLT năm 2019 và các văn bản có liên quan như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật Hải quan, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Chứng khoán, Luật Giao dịch điện tử, Luật Đất đai, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Thanh tra....

(2) Tổng hợp kiến nghị vướng mắc từ các nguồn khác nhau (tổng kết thi hành Luật QLT năm 2019, các phản ánh kiến nghị từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Luật QLT năm 2019 ....).

(3) Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật QLT, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế; báo cáo Chính phủ về nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT (Báo cáo số 103/BC-BTC ngày 02/04/2025, Báo cáo số 135/BC-BTC ngày 15/04/2025);

(4) Chính phủ đã có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 23/4/2025 thông qua Báo cáo nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT và Chính phủ đã có Báo cáo số 270/BC-CP về nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật QLT gửi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(5) Bộ Tài chính đã có công văn số 7960/BTC-CT ngày 06/6/2025 gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về hồ sơ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi).

(5) Bộ Tài chính đã có công văn số 7961/BTC-CT ngày 06/6/2025 gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để đăng tải hồ sơ xây dựng chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) xin ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách theo quy trình của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(6) Bộ Tài chính đã có công văn số 8525/BTC-CT ngày 17/6/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giải trình ý kiến thành viên Chính phủ đối với Tờ trình đề xuất xây dựng dự án Luật QLT (sửa đổi).

(7) Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 198/NQ-CP ngày 27/6/2025 về việc bổ sung dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội.

(8) Chính phủ đã ký Tờ trình số 620/TTr-CP ngày 4/7/2025 báo cáo Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về đề xuất xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2025 *(với tiến độ trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025))*.

(9) Theo công văn số 820/TTg-QHĐP ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV kèm theo Danh mục Tài liệu dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10 thì thời hạn hoàn thành đối với Luật Quản lý thuế gửi UBTVQH là ngày 30/8/2025.

(10) Ngày 08/7/2025, Bộ Tài chính đã tổ chức hội nghị tham vấn Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Văn phòng Chính phủ, một số Bộ, cơ quan nganh Bộ đối với hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(11) Bộ Tài chính đã có công văn số 10732/BTC-CT ngày 15/7/2025 gửi Cổng TTĐT Chính phủ đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi).

(12) Bộ Tài chính đã có công văn số 10733/BTC-CT ngày 15/7/2025 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ chính sách dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) theo 06 nhóm chính sách: (1) Chính sách 1: đơn giản thủ tục hành chính trong quản lý thuế; (2) Chính sách 2: Phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế; (3) Tự động hóa và chuyển đổi số trong quản lý thuế; (4) Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (5) Chính sách 5: Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết; (6) Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý thuế.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 *(thay thế cho Luật Quản lý thuế năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, gồm 17 chương, 152 Điều. Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi là Luật 56/2024/QH15). Theo đó, Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Để triển khai thực hiện các quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15, Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định[[1]](#footnote-1) và Bộ Tài chính đã ban hành 12 Thông tư[[2]](#footnote-2) hướng dẫn.

Tuy nhiên, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước và cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số với các mô hình kinh doanh mới như thương mại điện tử xuyên biên giới, nền tảng số đòi hỏi phải có cơ chế quản lý thuế phù hợp. Yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản, tinh gọn bộ máy và chuyển đổi số trong quản lý thuế ngày càng trở nên cấp bách. Đồng thời, qua thực tiễn triển khai, Luật Quản lý thuế năm 2019 vẫn còn một số vấn đề cần được giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, chống thất thu thuế, đảm bảo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong giai đoạn tới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế ngày càng thay đổi nhanh chóng.

**2. Kết quả thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019**

**2.1. Kết quả đạt được**

Qua 05 năm triển khai, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã đạt được 05 kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

**2.1.1. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế**

*a) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức, phương tiện đa dạng, cập nhật nhanh, kịp thời đến người nộp thuế*

Cơ quan thuế đã không ngừng đa dạng hóa và hiện đại hóa các kênh tương tác với người nộp thuế. Bên cạnh các phương thức truyền thống, ngành thuế đã tích cực triển khai các nền tảng số như video clip hướng dẫn, bản tin trên các mạng xã hội (Zalo, Facebook, Youtube, Tiktok). Điểm nhấn trong năm 2024 là việc ra mắt ứng dụng Chatbot AI – “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào ngày 21/11/2024. Ứng dụng này đã thu hút 4,5 nghìn người đăng ký sử dụng và giải đáp được 29,9 nghìn câu hỏi, thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ người nộp thuế.

Năm 2024 đánh dấu những nỗ lực đáng kể trong công tác hỗ trợ người nộp thuế. Cơ quan thuế các cấp đã tổ chức 1.451 buổi đối thoại/tập huấn theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự tham dự của 242,5 nghìn lượt NNT để kịp thời giải đáp những vướng mắc của NNT, hướng dẫn về các chính sách thuế. Trực tiếp hướng dẫn cho khoảng 880 nghìn lượt NNT tại bộ phận “một cửa”. Hỗ trợ hơn 3,2 triệu lượt NNT qua hình thức thư điện tử, mạng xã hội, website của cơ quan thuế. Đây là hình thức hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và tiết kiệm được chi phí. Hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ tiếp tục được nâng cấp và vận hành ổn định, cơ quan thuế đã giải đáp 5.211 câu hỏi do NNT gửi đến (đạt tỷ lệ 89%).

Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3%, được tính từ điểm trung bình của điểm đánh giá chung và trung bình của điểm theo lĩnh vực chức năng[[3]](#footnote-3), tiệm cận mục tiêu 90% đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Con số này dựa trên 441.974 phiếu phản hồi, chiếm 13,9% trên tổng số doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh do cơ quan thuế đang quản lý[[4]](#footnote-4), phản ánh nỗ lực không ngừng của ngành thuế trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế.

Hệ thống 479 kênh Hỏi - Đáp được nâng cấp với 47 loại câu hỏi được phân loại cụ thể, kết hợp với chức năng phân luồng tự động đã giúp việc giải đáp thắc mắc của người nộp thuế được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong năm 2023, cơ quan thuế đã giải đáp gần 5.900 câu hỏi, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

*b) Công tác đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rút ngắn được thời gian thực hiện, đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thủ tục hành chính.*

Luật Quản lý thuế đã tạo bước đột phá trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế cho người nộp thuế. Người nộp thuế có thể dễ dàng thực hiện nghĩa vụ thuế với thời gian kê khai giảm xuống còn dưới 100 giờ/năm, tương đương với mức trung bình của các nước ASEAN-4. Đặc biệt, việc khuyến khích sử dụng phương thức điện tử trong quản lý thuế như hóa đơn điện tử, kê khai và nộp thuế online đã tạo thuận lợi và giảm đáng kể chi phí cho doanh nghiệp.

- Về công tác đăng ký thuế đã được cải cách đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người nộp thuế; thành phần hồ sơ đăng ký thuế dễ thực hiện và tối ưu hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế bằng điện tử liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước, kết nối hoặc trao đổi thông tin về giấy phép thành lập và hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, rút ngắn thời gian giải quyết cho người nộp thuế.

Số liệu về đăng ký thuế từ năm 2020 đến hết 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đăng ký qua liên thông** | **Tỷ lệ đăng ký thuế điện tử đối với hồ sơ đăng ký trực tiếp với Cơ quan thuế** |
| 2020 | Đã liên thông đối với NNT là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp | 65,0% |
| 2021 |  | 65,4% |
| 2022 | Từ 10/2/2022 triển khai liên thông đối với hợp tác xã | 57,1% |
| 2023 | Từ 01/7/2023 triển khai liên thông đối với Hộ kinh doanh | 67,5% |
| 2024 |  | 73,7% |
| 6 tháng đầu năm 2025 |  | 79,3% |

- Về công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế: hồ sơ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế đơn giản, hiệu quả nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục khai thuế điện tử liên thông đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường điền các thông tin có sẵn giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ của người nộp thuế và giảm chi phí quản lý của cơ quan thuế; đẩy mạnh triển khai dịch vụ thuế điện tử, áp dụng hoá đơn điện tử khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ người nộp thuế trong đó duy trì, tiếp tục hỗ trợ thuận lợi dịch vụ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử đối với cá nhân, từng bước xây dựng cơ chế quản lý khai thuế đối với nền kinh tế số. Triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp nhằm quản lý việc thanh toán khoản đã nộp với khoản phải nộp của người nộp thuế theo định danh các khoản phải nộp.

Số liệu về kê khai thuế đối với doanh nghiệp, tổ chức từ năm 2020 đến hết ngày 20/6/2025 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử** | **Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử** | **Số hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận** | **Số lượng tờ khai đã nhận vào hệ thống KTQM từ khai triển khai** |
| 2020 |  | 99,90% |  |  |
| 2021 | 853.569 | 99,93% | 17.587.662 | 98.424.321 |
| 2022 | 885.809 | 99,94% | 17.655.933 | 116.011.983 |
| 2023 | 922.110 | 99,95% | 15.959.450 | 133.667.916 |
| 2024 | 952.327 | 99,93% | 15.996.758 | 149.627.366 |
| 6 tháng đầu năm 2025 | 961.570 | 99,35% | 9.972.144 | 159.599.510 |

Số liệu về nộp thuế tính từ 06 tháng cuối năm 2020 đến hết ngày 23/6/2025 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số thu nội địa** | **Tỷ lệ đăng ký nộp thuế điện tử tại Ngân hàng thương mại[[5]](#footnote-5)/ Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động** |
| 2020 | 603.247.667 | 99% |
| 2021 | 1.346.223.696 | 99% |
| 2022 | 1.518.970.041 | 99% |
| 2023 | 1.540.040.994 | 98% |
| 2024 | 1.752.646.556 | 99% |
| 2025 | 1.127.014.819 | 99% |

*c) Công tác miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế đã góp một phần không nhỏ trong việc hỗ trợ người nộp thuế trong các trường hợp người nộp thuế bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ không có khả năng nộp thuế hoặc trường hợp miễn, giảm thuế khác được quy định tại các Luật.*

- Về miễn, giảm thuế: thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết miễn, giảm thuế và triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả miễn, giảm thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử. Sử dụng cơ sở dữ liệu thuế tập trung, dữ liệu từ bên thứ ba và dữ liệu từ cơ quan theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở, căn cứ để tính, ban hành quyết định miễn, giảm thuế; áp dụng quản lý rủi ro trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế.

Số liệu về miễn thuế, giảm thuế từ 06 tháng cuối năm 2020 đến hết năm 2024 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số quyết định miễn thuế, giảm thuế đã ban hành** | **Số tiền thuế đã miễn, giảm *(triệu đồng)*** |
| 6 tháng cuối năm 2020 | 4.596.455 | 9.674.060 |
| 2021 | 11.324.378 | 26.144.103 |
| 2022 | 7.603.112 | 28.421.574 |
| 2023 | 9.895.741 | 36.571.943 |
| 2024 | 6.602.409 | 33.407.914 |

- Về hoàn thuế: Trên cơ sở quy định tại Luật quản lý thuế năm 2019, cơ quan quản lý thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, tăng cường hiệu quả công tác quản lý và hoàn thuế giá trị gia tăng; áp dụng quản lý rủi ro trong công tác khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế.

Số liệu về hoàn thuế GTGT từ 06 tháng cuối năm 2020 đến ngày 22/6/2025 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Hoàn thuế GTGT** | | | |
| **Số hồ sơ đã giải quyết hoàn** | **Số tiền đã hoàn thuế *(triệu đồng)*** | **Số tiền đã hoàn điện tử**  ***(triệu đồng)*** | **Tỷ lệ hoàn thuế điện tử** |
| 6 tháng cuối năm 2020 | 13.932 | 87.150.189 | 83.787.321 | 96% |
| 2021 | 21.882 | 162.292.027 | 155.896.252 | 96% |
| 2022 | 20.758 | 150.289.509 | 148.991.398 | 99% |
| 2023 | 19.181 | 149.976.017 | 148.831.068 | 99% |
| 2024 | 19.806 | 156.941.018 | 155.310.806 | 99% |
| 6 tháng đầu năm 2025 (tính đến 22/6/2025) | 8.350 | 66.506.235 | 66.155.328 | 99% |

Số liệu về hoàn thuế TNCN từ 06 tháng cuối năm 2020 đến ngày 22/6/2025 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Hoàn thuế TNCN** | | | |
| **Số hồ sơ đã giải quyết hoàn** | **Số tiền đã hoàn thuế**  ***(triệu đồng)*** | **Số tiền đã hoàn điện tử**  ***(triệu đồng)*** | **Tỷ lệ hoàn thuế điện tử** |
| 6 tháng cuối năm 2020 | 66.048 | 418.711 | 842 | 0,2% |
| 2021 | 222.476 | 1.696.467 | 598.049 | 35,3% |
| 2022 | 237.933 | 1.796.027 | 1.464.652 | 81,5% |
| 2023 | 356.601 | 2.607.970 | 2.469.293 | 94,7% |
| 2024 | 449.878 | 3.173.390 | 3.117.736 | 98,2% |
| 6 tháng đầu năm 2025 (tính đến 22/6/2025) | 514.231 | 3.058.819 | 3.019.441 | 98,7% |

*d)* C*ông tác kiểm tra, thanh tra thuế ngày càng phát huy vai trò chủ chốt trong hoạt động quản lý thuế. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý thuế đã đảm bảo việc thu đúng, thu đủ số thuế phải nộp vào NSNN đồng thời đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách quản lý thuế để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của người nộp thuế.*

05 năm triển khai Luật Quản lý thuế năm 2019 cũng là thời kì kinh tế - xã hội thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường như tình hình đại dịch Covid 19, căng thẳng địa chính trị cũng như căng thẳng làm gia tăng rủi ro đến kinh tế Việt Nam và gây thương mại quốc tế toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thu ngân sách Nhà nước nói chung và công tác thanh tra kiểm tra thuế nói riêng. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội, Ngành thuế đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh tăng cường năng lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra như nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra tiếp cận với các thông lệ quốc tế tốt; đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế; tăng cường áp dụng quản lý rủi ro trong công tác thanh tra kiểm tra thuế

Kết quả, trong giai đoạn 2020 – 2024, toàn ngành Thuế đã thực hiện được 377.154 cuộc thanh tra, kiểm tra; kiểm tra được 4.198.073 hồ sơ khai thuế. Tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 340.497 tỷ đồng, trong đó: tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 86.085 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 13.146 tỷ đồng; giảm lỗ là 241.266 tỷ đồng. Tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 60.421 tỷ đồng. Qua thanh tra, kiểm tra đã kiến nghị tăng thu góp phần vào hoàn thành thu ngân sách Nhà nước và xử lý kịp thời các hành vi phạm phạm pháp luật thuế của NNT, ngăn chặn vi phạm và nâng cao tính tuân thủ của NNT.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế, việc kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý thuế hoặc tại trụ sở người nộp thuế. Việc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế được thực hiện thường xuyên đối với các hồ sơ thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác thông tin, chứng từ trong hồ sơ thuế. Thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro trên cơ sở kế hoạch, chuyên đề thanh tra, kiểm tra được phê duyệt hoặc các trường hợp đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế theo kế hoạch, chuyên đề hàng năm và đột xuất đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý thuế và đạt được hiệu quả nhất định về số lượng và chất lượng. Số doanh nghiệp được thanh tra đúng trọng tâm, trọng điểm, phát hiện được những vấn đề thiếu sót lớn của doanh nghiệp, vướng mắc của các quy định pháp luật trong quá trình thanh tra, kiểm tra***.*** Nhiều năm có số kiến nghị truy thu, xử lý vi phạm hành chính về thuế tăng cao.

Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện thanh tra thuế của cơ quan hải quan giai đoạn 2020-2025 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số cuộc** | **Kiến nghị (VNĐ)** | **Số đã thu nộp NSNN** |
| 2020 | 52 | 87,593,103,382 | 101,562,868,933 |
| 2021 | 36 | 82,640,000,000 | 70,100,917,537 |
| 2022 | 115 | 71,491,000,000 | 55,785,000,000 |
| 2023 | 113 | 208,652,000,000 | 296,087,000,000 |
| 2024 | 55 | 155,154,000,000 | 82,086,000,000 |
| 2025 | 3 | 11,331,000,000 | 9,731,000,000 |
| **Tổng** | **374** | **616,861,103,382** | **615,352,786,470** |

Về công tác kiểm tra sau thông quan: Số cuộc kiểm tra sau thông quan từ năm 2020 đến tháng 3/2025: 9835 cuộc; Số tiền thu vào NSNN là 3117,19 tỷ đồng. Công tác kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật quản lý thuế của doanh nghiệp, các sai phạm được chấn chỉnh.

**2.1.2. Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế**

a) *Luật Quản lý thuế đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Theo đó, người nộp thuế được quyền yêu cầu cơ quan thuế giải thích và cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của họ. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế hiểu rõ về trách nhiệm của mình.*

Một điểm đột phá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người nộp thuế là quy định về miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp. Cụ thể, trong trường hợp người nộp thuế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, họ sẽ không bị xử lý vi phạm về thuế. Quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế mà còn nâng cao trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

Luật cũng quy định rõ về quyền được bảo mật thông tin của người nộp thuế. Theo đó, mọi thông tin cá nhân, thông tin về hoạt động kinh doanh của người nộp thuế đều được bảo mật nghiêm ngặt. Trong trường hợp phát hiện cơ quan thuế có sai sót trong công tác quản lý thu thuế, người nộp thuế có quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết thỏa đáng.

Đặc biệt, Luật đã thể hiện tính nhân văn thông qua các cơ chế gia hạn, giảm thuế và miễn thuế linh hoạt. Trong những trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc gặp khó khăn đặc biệt khác, họ có thể được xem xét gia hạn nộp thuế, giảm thuế hoặc miễn thuế. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn đại dịch Covid-19, giúp doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn.

Các quy định về bảo vệ quyền lợi người nộp thuế không chỉ thể hiện trên văn bản mà còn được cụ thể hóa thông qua việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Người nộp thuế được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đa dạng, từ tư vấn trực tiếp đến các kênh hỗ trợ trực tuyến, giúp họ thực hiện nghĩa vụ thuế một cách thuận lợi nhất.

*b) Công tác quản lý hộ kinh doanh trong thời gian qua:*

Số liệu về hộ kinh doanh tính từ năm 2020 đến hết 05 tháng đầu năm 2025 như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số hộ quản lý** | **Tổng số hộ thuộc diện nộp thuế** | **Tổng số thuế *(tỷ đồng)*** | **Bình quân thuế/hộ quản lý/tháng *(triệu đồng)*** | **Bình quân thuế/hộ nộp thuế**  ***(triệu đồng)*** |
|
| 2020 | 2,081,770 | 1,287,573 | 13,989.8 | 0.56 | 0.91 |
| 2021 | 2,020,080 | 1,260,537 | 12,482.5 | 0.51 | 0.83 |
| 2022 | 1,988,874 | 1,128,167 | 11,992.2 | 0.50 | 0.89 |
| 2023 | 2,111,796 | 1,198,863 | 13,291.1 | 0.52 | 0.92 |
| 2024 | 2,240,746 | 1,308,086 | 13,414.8 | 0.50 | 0.85 |
| 05 tháng đầu năm 2025 | 2,167,876 | 1,313,505 | 5,320.7 | 0.49 | 0.81 |

Theo đó, số liệu về HKD nộp thuế theo phương pháp khoán và HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **HKD nộp thuế theo phương pháp khoán** | | | **HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai** | |
| **Số hộ quản lý** | **Số hộ thuộc diện nộp thuế** | **Số thuế  *(tỷ đồng)*** | **Số hộ quản lý** | **Số thuế *(tỷ đồng)*** |
| 2020 | 1,930,235 | 1,136,038 | 9,828.3 | 151,535 | 4,161.5 |
| 2021 | 1,878,748 | 1,119,205 | 9,372.6 | 141,332 | 3,109.9 |
| 2022 | 1,898,849 | 1,038,142 | 8,019.4 | 90,025 | 3,972.8 |
| 2023 | 2,029,720 | 1,116,787 | 9,047.4 | 82,076 | 4,243.7 |
| 2024 | 2,156,247 | 1,223,587 | 10,075.24 | 84,499 | 3,339.6 |
| 05 tháng đầu năm 2025 | 2,094,095 | 1,239,724 | 4,191.06 | 73,781 | 1,129.6 |

*c) Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục giải quyết, đáp ứng được yêu cầu của người khiếu nại.*

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan quản lý thuế đã xây dựng quy trình giải quyết khiếu nại, quy trình giải quyết tố cáo, trong đó xác định rõ thời gian giải quyết, trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo tại cơ quan quản lý thuế các cấp.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo luôn được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Luật khiếu nại, tố cáo.

**2.1.3. Hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế**

a) Trong thời gian qua, cơ quan quản lý thuế đã tập trung xây dựng, phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế. Hệ thống ứng dụng được xây dựng trên cơ sở bám sát các yêu cầu nghiệp vụ và bao gồm các lớp ứng dụng quan trọng như: ứng dụng dịch vụ thuế trực tuyến, ứng dụng phục vụ nghiệp vụ lõi, ứng dụng hỗ trợ quản lý thuế, ứng dụng phục vụ quản trị nội bộ và ứng dụng dữ liệu. Đến thời điểm hiện tại, hệ thống này đã đáp ứng được yêu cầu của cơ quan thuế trong quản lý thu thuế, chỉ đạo điều hành cũng như kết nối, trao đổi thông tin. Đồng thời đã đáp ứng yêu cầu về cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế.

Một trong những thành tựu quan trọng của Luật Quản lý thuế là việc mở rộng phạm vi quản lý thuế, không chỉ với các giao dịch thuế nội địa mà còn bao gồm cả các giao dịch xuyên biên giới, thương mại điện tử và các giao dịch quốc tế. Điều này tạo hành lang pháp lý vững chắc để quản lý toàn diện các hoạt động kinh tế trong bối cảnh số hóa và hội nhập.

Đáp ứng yêu cầu quản lý thuế, một số giải pháp hiện đại hóa đã được ngành thuế triển khai mạnh với những thành tựu đáng kể như:

- Hệ thống hóa đơn điện tử toàn quốc bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2022 và được nâng cấp nhiều lần để đáp ứng yêu cầu quản lý đã góp phần tăng cường tính công bằng, minh bạch trong triển khai pháp luật thuế khi các giao dịch đều được ghi nhận, cập nhật đúng thực tế, giúp giảm thời gian kê khai của NNT, hạn chế gian lận về thuế. Lũy kế đến 24h ngày 30/4/2025, trên cả nước đã có tổng số 13.831.477.325 hóa đơn điện tử đã được tiếp nhận và xử lý (Hóa đơn điện tử có mã: 3.165.207.055; Hóa đơn điện tử không có mã: 3.726.251.630; Hóa đơn điện tử không mã gửi Bảng tổng hợp: 4.823.706.703; Hóa đơn theo từng lần phát sinh: 2.398.720; Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền: 2.113.913.217).

- Phát triển các giải pháp công nghệ để quản lý các hình thức giao dịch mới phát sinh như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, giao dịch xuyên biên giới góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với các hoạt động này, cung cấp thông tin hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành và xây dựng chính sách pháp luật. Đồng thời, các giải pháp này cũng giúp đơn giản hóa TTHC cho người nộp thuế, qua đó góp phần tiết kiện chi phí, thời gian tuân thủ pháp luật của NNT.

+ Ngày 21/03/2022, ngành Thuế đã chính thức công bố ứng dụng Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý về quản lý thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài đã hoàn thiện để hỗ trợ nhà cung cấp nước ngoài thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế trực tiếp từ bất cứ đâu trên thế giới.

+ Ngày 15/12/2022, ngành Thuế đã chính thức công bố triển khai và đưa vào vận hành Cổng tiếp nhận thông tin thương mại điện tử tiếp nhận thông tin của doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trên các sàn TMĐT đáp ứng quy định các sàn giao dịch TMĐT phải cung cấp thông tin về các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên sàn cho cơ quan thuế định kỳ hàng quý. Đến ngày 20/04/2025, đã có 441 sàn TMĐT với 2.722 lượt nộp hồ sơ gửi đến cơ quan thuế cung cấp thông tin hàng triệu nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ trên các sàn. Tiếp đó, ngày 19/12/2024, ngành Thuế tiếp tục ra mắt Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, bao gồm các chức năng từ đăng ký thuế đến kê khai, nộp thuế và tra cứu đã được tích hợp đầy đủ và mở ra thêm một kênh giao dịch mới thuận lợi hơn cho NNT là hộ, cá nhân kinh doanh. Tính đến ngày 20/04/2025 đã cấp được 78.629 MST cho NNT, tiếp nhận được 182.101 tờ khai, 123.810 chứng từ nộp tiền với tổng số tiền đã nộp là trên 726 tỷ đồng.

- Phát triển các giải pháp công nghệ để áp dụng hiệu quả phương pháp quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế và lựa chọn doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT đáp ứng quy trình hoàn thuế mới[[6]](#footnote-6) và bộ tiêu chí[[7]](#footnote-7) đánh giá rủi ro. Từ ngày 28/10/2023, Ứng dụng phân loại hồ sơ hoàn thuế tự động được triển khai trong toàn ngành, giúp tự động hóa khâu phân loại và điện tử hóa các bước giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Điều này vừa đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ, vừa tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hoàn thuế.

Bên cạnh đó, Luật quản lý thuế đã thiết lập quy định, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý thuế. Các Bộ ngành có liên quan (như Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng với hệ thống ngân hàng …) đều có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế trong việc cung cấp thông tin, tài liệu hỗ trợ thực hiện công tác thu nộp thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định. Theo đó, ngành Thuế đã triển khai các giải pháp nâng cấp, mở rộng hệ thống ứng dụng đáp ứng yêu cầu kết nối trao đổi thông tin với các đơn vị, Bộ ngành. Đặc biệt, ngành Thuế triển khai hệ thống tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đến nay đã: phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Cục C06), Bộ Công an xây dựng quy trình trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu đăng ký thuế; triển khai hệ thống để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thuế (ĐKT) lần đầu, thay đổi thông tin ĐKT của cá nhân không kinh doanh qua Cổng Dịch vụ công quốc gia có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư; thực hiện nâng cấp chính thức cho người dân sử dụng xác thực định danh điện tử VneID trên hệ thống ứng dụng của ngành Thuế. Hiện tại, ngành Thuế tiếp tục phối hợp với C06 triển khai sinh trắc học trên eTax Mobile cho dịch vụ về đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử và Triển khai sử dụng các dịch vụ của ngành Thuế trên ứng dụng VNeID của Bộ Công an và Cục C06 . Để triển khai các dịch vụ mang hướng tích hợp như vậy cũng như tích hợp với CSDL quốc gia, cần thiết phải có hành lang pháp lý quy định để thực hiện triển khai. Như tình huống về đăng ký thuế nêu trên, Bộ Tài chính đã sửa đổi thông tư số 105/2021/TT-BTC về đăng ký thuế, ban hành Thông tư số 86/2024/TT-BTC để hướng dẫn thay thế.

Như vậy, hệ thống thông tin quản lý thuế đã dần được hoàn thiện, đồng bộ, tích hợp đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và giám sát. Và do đó, những nỗ lực hiện đại hóa của ngành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý thuế, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời đảm bảo hiệu quả nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng để ngành thuế tiếp tục phát triển hệ thống theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số mới vừa nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế vừa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ thuế số cho người nộp thuế.

Việc đầu tư phát triển ứng dụng CNTT của ngành Hải quan trong giai đoạn từ 2020 đến 2025 đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và đem lại những lợi ích thiết thực cho người nộp thuế; nâng cao năng lực quản lý, điều hành; góp phần đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa quản lý thu. Giúp người nộp thuế giảm thủ tục kê khai thuế, tiết kiệm thời gian và chi phí về thủ tục nộp thuế do hầu hết các tờ khai thuế, hồ sơ thuế và chứng từ nộp thuế được số hóa để xử lý tự động vào hệ thống ứng dụng của ngành Hải quan thay cho việc sử dụng cán bộ hải quan để nhập dữ liệu. Từ năm 2020 đến nay, Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) đã triển khai hệ thống miễn, giảm, hoàn thuế điện tử để điện tử hóa công tác quản lý miễn, giảm, hoàn thuế.

*b) Tổ chức bộ máy quản lý thuế không ngừng được hoàn thiện đã đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới*

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo yêu cầu của Luật Quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế đã từng bước sắp xếp, kiện toàn theo chức năng tại cơ quan thuế các cấp. Hệ thống cơ quan thuế được tổ chức thành hệ thống dọc thống nhất từ trung ương đến cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất.

***- Ngành Thuế:*** Từ năm 2020 đến ngày 28/02/2025: Tại Trung ương có Tổng cục Thuế, cấp tỉnh có Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế; cấp huyện có Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế, gồm: Cơ quan Tổng cục Thuế ở Trung ương với 19 Cục, Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, trong đó có 17 Vụ, đơn vị hành chính, 02 đơn vị sự nghiệp, Ban Cải cách và Ban Quản lý rủi ro; 63 Cục thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 727 Phòng chức năng, chuyên môn; 413 Chi cục Thuế tại các quận, huyện (trong đó, *262 Chi cục Thuế khu vực và 151 Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã với 2.585 Đội thuế trực thuộc*).

Từ ngày 01/3/2025, Ngành Thuế tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả với điểm nhấn là xóa bỏ mô hình Tổng cục và thu gọn tối đa các đầu mối bên trong. Tại Cục Thuế giảm từ 17 đầu mối xuống còn 12 đầu mối Ban và tương đương; Tại Chi cục Thuế đã sắp xếp, tổ chức lại 63 Cục Thuế thành 20 Chi cục Thuế khu vực; Tại Đội thuế cấp huyện đã sắp xếp, tổ chức lại 413 Chi cục Thuế khu vực thành 350 Đội thuế cấp huyện; đã xóa bỏ 2886 Đội Thuế thuộc Chi cục Thuế. Theo mô hình tổ chức bộ máy này thì ngành Thuế đã giảm hơn 4000 đầu mối xuống còn hơn 600 đầu mối.

Từ ngày 01/7/2025, Ngành Thuế tiếp tục có sự thay đổi sắp xếp theo hướng vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (tỉnh-xã) thay cho chính qyền địa phương 03 cấp trước đây (tỉnh- huyện-xã). Theo đó, ngành Thuế sắp xếp theo mô hình: Thuế tỉnh, thành phố (34); Thuế cơ sở (350).

Sau sắp xếp, mô hình tổ chức bộ máy của ngành Thuế cũng đã chuyển đổi từ mô hình “quản lý thuế theo chức năng” sang mô hình “quản lý thuế theo đối tượng” giúp đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người nộp thuế với phương châm “lấy người nộp thuế là trung tâm phục vụ”.

***- Ngành Hải quan:*** Hệ thống cơ quan hải quan được tổ chức thành hệ thống dọc từ Tổng cục Hải quan, Hải quan tỉnh hoặc khu vực (bao gồm 1 số tỉnh) và các chi cục hải quan, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất, gồm: Tổng cục Hải quan (với 14 Cục, Vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước, 3 đơn vị sự nghiệp); 35 Cục Hải quan tỉnh và khu vực; 157 Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương trực thuộc Cục Hải quan địa phương.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo yêu cầu của Luật quản lý thuế, cơ quan Hải quan đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy: Thành lập bộ phận hỗ trợ tuyên truyền pháp luật cho người khai hải quan, người nộp thuế; Thành lập các phòng thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc một số đơn vị có số thu lớn như: TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải phòng...

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Tập trung vào việc bồi dưỡng chính sách thuế, kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế, kỹ năng khai thác và vận hành các chương trình phần mềm cho cán bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý của Luật quản lý thuế.

Từ ngày 1/3/2025, cục Hải quan được tổ chức và hoạt động theo 03 cấp: Cục Hải quan, Chi cục Hải quan khu vực, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan giảm khoảng 485/902 đầu mối, tương ứng 53.77%. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Cục Hải quan phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị bên trong, giảm đầu mối, giúp các đơn vị hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Song song với việc triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng, cơ quan quản lý thuế các cấp đã đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Chương trình, nội dung đào tào, bồi dưỡng đã tập trung vào việc bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế cho cán bộ thuế, hải quan... vừa đảm bảo trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu, phục vụ kịp thời, thiết thực đối với công tác quản lý. Đến nay, công chức của cơ quan quản lý thuế các cấp đã vận hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Quản lý thuế.

*c) Mô hình quản lý thuế được thay đổi theo hướng từng bước hiện đại và phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng cường tính tuân thủ, thực thi pháp luật của người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế*

Hiện hành các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế được thực hiện trên các hệ thống tác nghiệp gồm TMS và QLTB-NĐ. Trong đó, Hệ thống TMS được thiết kế theo chức năng đăng ký thuế, xử lý tờ khai, quyết toán thuế, kế toán thuế, quản lý nợ. Thiết kế ứng dụng theo chức năng là một đặc điểm quan trọng của TMS, đảm bảo rằng các cán bộ thuế chỉ có quyền truy cập và thực hiện các tác vụ phù hợp với vai trò và trách nhiệm theo chức năng.

Khi thay đổi mô hình quản lý từ chức năng sang quản lý theo đối tượng gắn với chức năng, hiện hành hệ thống TMS gặp một số hạn chế:

- Kiến trúc dữ liệu, phân quyền không đáo ứng yêu cầu quản lý xuyên suốt 1 NNT theo vòng đời (life cycle).

- Kiến trúc ứng dụng thiết kế đóng theo từng cơ quan thuế theo nguyên tắc hạch toán kế toán (bộ sổ), phân quyền thao tác dữ liệu theo từng CQT (ứng dụng triển khai nhưng xử lý phân tán).

- Các hệ thống dịch vụ điện tử, hệ thống quản lý và các hệ thống hỗ trợ tác nghiệp còn kết nối qua các trung gian dẫn đến việc dữ liệu cập nhật real time chưa thực sự đảm bảo, một CBT phải tác nghiệp trên nhiều hệ thống.

**2.1.4. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách và biện pháp chống thất thu**

***(i)*** *Đánh giá số thu ngân sách*

- Thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt được những kết quả tích cực, thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán, quy mô số thu ngân sách ngày càng tăng, cơ cấu thu chuyển dịch theo hướng bền vững với tỷ trọng thu nội địa ngày càng cao, giảm dần phụ thuộc vào thu từ dầu thô và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa trong công tác quản lý thu, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan đã góp phần tăng tính minh bạch, tăng cường hiệu quả quản lý, chống thất thu. Nhờ nguồn lực tài chính dồi dào đã giúp Nhà nước đảm bảo chi cho đầu tư phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, chuyển đổi số quốc gia và ứng phó hiệu quả với đại dịch COVID-19, đặc biệt là có nguồn lực để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân hồi phục nhanh nền kinh tế sau giai đoạn dịch bệnh.

Các quy định của Luật Quản lý thuế và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội cùng với sự điều hành quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ, Bộ Tài chính đã đảm bảo tập trung kịp thời nguồn thu cho NSNN. Tổng thu NSNN do cơ quan thuế và cơ quan hải quan quản lý từ 01/7/2020 đến 31/12/2024 đã có mức tăng trưởng đáng kể, cụ thể:

***+) Tổng thu nội địa:***

Tính đến cuối năm 2024, tổng thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt khoảng 8,736 triệu tỷ đồng, đạt 115,1% so dự toán, trong đó, tổng thu thuế, phí đạt 7,026 triệu tỷ đồng, chiếm 14,7% GDP; thu nội địa đạt 7,251 triệu tỷ đồng, chiếm 83% tổng thu NSNN, đạt 14,1% dự toán, thu nội địa hàng năm đều vượt dự toán[[8]](#footnote-8). Tỷ lệ huy động thu ngân sách chiếm khoảng 18,2%/GDP, trong đó, tỷ lệ huy động thu thuế phí đạt 14,7% trên GDP. Cơ cấu thu NSNN tiếp tục chuyển biến theo hướng bền vững hơn, tỷ trọng thu nội địa giai đoạn 2020-2024 chiếm khoảng 83% trong tổng thu NSNN. Quy mô thu NSNN ngày càng tăng, tổng thu NSNN từ mức 1,51 triệu tỷ đồng của năm 2020 đã tăng lên mức 2,044 triệu tỷ vào năm 2025, tương đương gấp 1,35 lần so với năm 2020, trong đó, thu nội địa thực hiện gấp 1,32 lần. Tốc độ tăng thu giai đoạn 2020-2024 tăng bình quân khoảng 7,8%/năm, trong đó, tốc độ tăng thu nội địa bình quân khoảng 7,3%/năm.

***+) Tổng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:***

Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu trong 05 năm (từ 2020 – 2024) đạt 1.925.229 tỷ đồng. Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đã thể hiện sự tăng trưởng ổn định qua các năm. Từ mức đạt 314.463 tỷ đồng năm 2020 (đạt 93,04% dự toán), thu ngân sách đã tăng lên 377.147 tỷ đồng năm 2021 (vượt 19,73% dự toán), 437.368 tỷ đồng năm 2022 (vượt 24,25% dự toán), và 368.615 tỷ đồng năm 2023 (đạt 86,85% dự toán). Năm 2024, thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 427.636 tỷ đồng, tăng 14,04% so với dự toán.

***(ii)*** Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc chống thất thu. Theo Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCT ngày 26/5/2025 của Đảng ủy Cục Thuế về tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách nhà nước, trong năm 2024, toàn ngành Thuế đã thực hiện được 72.343 cuộc thanh tra, kiểm tra, đạt 112,11% kế hoạch năm 2024; kiểm tra được 729.985 hồ sơ bằng 95,49% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 75.772,45 tỷ đồng bằng 107,86% năm 2023, trong đó: tổng số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 19.665,7 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 3.481,91 tỷ đồng; giảm lỗ là 52.624,84 tỷ đồng. Tổng số tiền thuế nộp vào ngân sách là 13.413,5 tỷ đồng, bằng 68,21% số tăng thu qua thanh tra kiểm tra.

Năm 2024 đánh dấu nhiều thành công trong việc thanh tra, kiểm tra chuyên đề. Về chuyên đề nông sản, kết quả triển khai lũy kế cập nhật đến hết tháng 4/2025 như sau:

Tổng số thuế phát hiện kê khai sai, kê khai thiếu qua công tác triển khai chuyên đề là 745 tỷ đồng, số đã nộp NSNN là 205 tỷ đồng, cụ thể:

+ Số phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT là 592,5 tỷ đồng (tăng 181 tỷ đồng so với kết quả lũy kế 2024), bao gồm truy thu, xử phạt là 182 tỷ đồng (số đã nộp NSNN là 124 tỷ đồng); giảm khấu trừ GTGT là 21,2 tỷ đồng; giảm lỗ TNDN là 389,3 tỷ đồng;

+ Số phát hiện qua kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế là 51,4 tỷ đồng (đã nộp NSNN là 25,6 tỷ đồng);

+ Số tăng thu với hộ, cá nhân kinh doanh là 101 tỷ đồng (đã nộp NSNN là 55,3 tỷ đồng).

Việc kiểm tra các doanh nghiệp đại chúng về phát hành cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng cũng thu về ngân sách 151,5 tỷ đồng. Đặc biệt, trong lĩnh vực bảo hiểm, qua thanh tra 20 doanh nghiệp đã giảm lỗ gần 5 tỷ đồng, truy thu 3,3 tỷ đồng và phạt gần 1,2 tỷ đồng.

Công tác kiểm tra thuế tại cơ quan hải quan và kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đã đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, vừa chống thất thu thuế. Từ đó giúp cho người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ pháp luật về thuế. Công tác kiểm tra thuế của ngành hải quan chủ yếu thực hiện sau khi hàng hóa đã thông quan, do lực lượng kiểm tra sau thông quan thực hiện. Số cuộc kiểm tra sau thông quan từ năm 2020 đến tháng 3/2025: 9835 cuộc; Số tiền thu vào NSNN là 3117,19 tỷ đồng.

Thanh tra thuế trong lĩnh vực hải quan là một nội dung thanh tra chuyên ngành hải quan. Số liệu kết quả thanh tra chuyên ngành giai đoạn từ 1/7/2020 đến 31/5/2025 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số cuộc** | **Kiến nghị (VNĐ)** | **Số đã thu nộp NSNN** |
| 2020 | 52 | 87,593,103,382 | 101,562,868,933 |
| 2021 | 36 | 82,640,000,000 | 70,100,917,537 |
| 2022 | 115 | 71,491,000,000 | 55,785,000,000 |
| 2023 | 113 | 208,652,000,000 | 296,087,000,000 |
| 2024 | 55 | 155,154,000,000 | 82,086,000,000 |
| 2025 | 3 | 11,331,000,000 | 9,731,000,000 |
| **Tổng** | **374** | **616,861,103,382** | **615,352,786,470** |

## *(iii)* Đơn giản hoá các thủ tục quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, giảm nợ đọng thuế. Nghiên cứu các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế khác nhau tùy theo tính chất của khoản nợ (theo tuổi nợ, loại nợ, địa bàn và mức độ phức tạp); xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành phục vụ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Công tác quản lý và thu hồi nợ thuế cũng đạt hiệu quả cao nhờ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ quan thuế đã xây dựng và nâng cấp các ứng dụng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, tự động hóa việc thông báo nợ và quyết định cưỡng chế thông qua phương thức điện tử. Kết quả thu hồi nợ thuế từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số thu nội địa** | **Số thuế nợ đã thu hồi *(triệu đồng)*** | **Tỷ lệ thu hồi thuế nợ** |
| 2020 | 1.278.648 | 28.476 | 2,2% |
| 2021 | 1.301.586 | 34.546 | 2,7% |
| 2022 | 1.440.833 | 39.000 | 2,7% |
| 2023 | 1.478.070 | 49.500 | 3,3% |
| 2024 | 1.694.001 | 62.919 | 3,7% |
| 6 tháng đầu năm 2025 | 1.656.836 | 43.109 | 2,6% |

Kết quả thu hồi nợ thuế của ngành hải quan năm 2022 đạt 459,67 tỷ đồng, năm 2023 đạt 1.288 tỷ đồng, tăng 180% so với cùng kỳ, năm 2024 đạt 896 tỷ đồng, giảm 30,4% so với cùng kỳ.

- Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, không để sót nguồn thu; đồng thời tại điều kiện cho các Nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) “có cơ sở thường trú” khai nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của Cục Thuế), khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 đã bỏ cụm từ “không có cơ sở thường trú” tại khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế hiện hành.

Tính đến thời điểm ngày 03/7/2025, tổng số NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử từ thời điểm triển khai vận hành là 163 NCCNN đến từ nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Singapore, Anh,…. Tổng số thu NSNN từ các nhà cung cấp nước ngoài (ghi nhận trên hệ thống quản lý thuế tập trung - TMS) kể từ thời điểm triển khai vận hành Cổng TTĐT là 23.131 tỷ đồng, trong đó:

+ Số thu năm 2022 là 1.850 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (42 NCCNN).

+ Số thu năm 2023 là 6.896 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (74 NCCNN).

+ Số thu năm 2024 là 8.693 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT; (120 NCCNN).

+ Số thu năm 2025 (tính đến ngày 03/7/2025) là 5.692 tỷ đồng khai – nộp trực tiếp qua Cổng TTĐT (tăng 41% so với cùng kỳ năm ngoái) (163 NCCNN).

Từ số liệu báo cáo thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ rệt của Luật Quản lý thuế trong việc quản lý thuế đối với các NCCNN, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ dễ dàng hơn, góp phần giảm thiểu thất thu và gian lận thuế trong bối cảnh thương mại điện tử bùng nổ.

***(iv)*** Đặc biệt, việc kiểm soát thuế trong lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) đã có bước tiến quan trọng. Thông qua Cổng thông tin thương mại điện tử, cơ quan thuế đã tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh, tổng giá trị giao dịch đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2024, kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử là khoảng 116 nghìn tỷ đồng[[9]](#footnote-9), tăng 20% so với số thuế năm 2023. Việc triển khai Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử vào tháng 11/2024 với 5 chức năng chính (đăng nhập, đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế, tra cứu) đã tạo thêm kênh hỗ trợ thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý thuế trong lĩnh vực này.

Về kết quả công tác thu thuế đối với hoạt động TMĐT:

+ Số liệu quản lý thuế đối với người nộp thuế có hoạt động TMĐT: Năm 2022 số thuế đã nộp là 83 nghìn tỷ đồng; Năm 2023 số thuế đã nộp là 97 nghìn tỷ đồng; Năm 2024 số thuế đã nộp là 116 nghìn tỷ đồng.

+ Số liệu quản lý thuế đối với người nộp thuế có hoạt động TMĐT trong 05 tháng đầu năm 2025:

Đối với Cổng thông tin điện tử: Tổng số NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử từ thời điểm kê khai, vận hành là 158 NCCNN, đã thực hiện kê khai, nộp thuế đạt 5,674 nghìn tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ năm 2024.

Đối với Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai nộp thuế đã có 100 nghìn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trên cổng với số tiền gần 1,1 nghìn tỷ đồng.

Rà soát dữ liệu của gần 93 nghìn tổ chức đang hoạt động có hoạt động kinh doanh TMĐT với số thuế đã nộp là 67,6 nghìn tỷ đồng.

- Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, không để sót nguồn thu; đồng thời tại điều kiện cho các Nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) “có cơ sở thường trú” khai nộp thuế qua Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) của Cục Thuế), khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/Qh15 đã bỏ cụm từ “không có cơ sở thường trú” tại khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế hiện hành. Tính từ thời điểm Luât số 56/2024/QH15 được ban hành, đã có thêm 44 NCCNN thực hiện đăng ký thuế, tăng tổng số NCCNN đã đăng ký qua Cổng TTĐT của Cục Thuế lên 160 NCCNN; Tổng số thuế NCCNN đã nộp vào ngân sách nhà nước trong năm 2025 đạt 5.687 tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ năm 2024). Từ số liệu báo cáo thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ rệt của Luật Quản lý thuế trong việc quản lý thuế đối với các NCCNN, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ dễ dàng hơn, góp phần giảm thiểu thất thu và gian lận thuế trong bối cảnh thương mại điện tử bùng nổ.

Về việc xử lý thuế đối với hoạt động TMĐT, cơ quan thuế đã thực hiện rà soát 164.661 người nộp thuế, trong đó:

Đối với doanh nghiệp: Thực hiện xử lý truy thu đối với doanh nghiệp (số lượng từ hệ thống quản lý thuế tập trung là 1.457 doanh nghiệp) với số tiền hơn 416 tỷ đồng (Thuế GTGT: 98 tỷ đồng, thuế TNDN: 318 tỷ đồng, thuế TTĐB: 71 triệu đồng).

Đối với cá nhân, hộ kinh doanh: Thực hiện xử lý truy thu đối với cá nhân, hộ kinh doanh 25.201 trường hợp (số lượng theo cơ quan thuế báo cáo) với số tiền hơn 331 tỷ đồng.

***(v)*** Khung pháp lý quy định về giá chuyển nhượng của Việt Nam đã được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế chung, thực tiễn Việt Nam và ngày càng được hoàn thiện; hiệu quả của công tác quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi chuyển lợi nhuận gây xói mòn nguồn thu trên cơ sở tiếp thu, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn phát sinh tại Việt Nam.

Qua 4 năm thực hiện Nghị định 132/2020/NĐ-CP, về kết quả kê khai tuân thủ của người nộp thuế có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành thuế và số liệu báo cáo của các Cục Thuế (hiện nay là Thuế tỉnh, thành phố) qua thanh tra, kiểm tra thể hiện qua các năm như sau:

+ Năm 2020: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 21.775 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 196.416 tỷ đồng. Trong đó, có 18.817 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 86,4% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với chi phí lãi vay phát sinh là 158.765 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 80,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 2.958 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 13,6% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 37.651 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 15.277 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 22.374 tỷ đồng.

+ Năm 2021: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 24.396 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 480.082 tỷ đồng. Trong đó, có 19.734 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 80,9% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 436.104 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 90,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.662 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 19,1% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 43.977 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 19.263 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 24.714 tỷ đồng.

+ Năm 2022: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 23.774 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 225.484 tỷ đồng. Trong đó, có 19.666 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 82,7% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 170.326 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 75,5% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.108 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 17,3%) với tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ 55.158 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 24.056 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau là 31.102 tỷ đồng.

+ Năm 2023: Tổng số doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết là 22.542 đơn vị với tổng số chi phí lãi vay phát sinh của các doanh nghiệp này là 258.140 tỷ đồng. Trong đó, có 18.272 doanh nghiệp có chi phí lãi vay không vượt mức khống chế (chiếm tỷ lệ 81,06% số doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết) với tổng chi phí lãi vay phát sinh là 180.095 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 69,8% so với tổng chi phí lãi vay của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết). Có 4.270 doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau (chiếm tỷ lệ 18,9%) với tổng số chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ là 78.045 tỷ đồng; trong đó, chi phí lãi vay được trừ là 29.271 tỷ đồng và chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau tương ứng là 48.773 tỷ đồng.

**2.1.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế**

Luật Quản lý thuế đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của ngành thuế Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế. Điều này đã giúp hình thành hệ thống quản lý thuế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới.

Trong năm 2024, ngành thuế tiếp tục tăng cường hợp tác với cơ quan thuế các nước và tổ chức quốc tế thông qua việc triển khai đàm phán các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, Nghị định thư sửa đổi Hiệp định thuế với Hy Lạp, Nhật Bản, Ai Cập, Albani, Ghi-nê, Ca-mơ-run, Cô-oét, UAE, Qatar, Canada, .... Song song với đó, ngành thuế cũng đẩy mạnh hợp tác, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý thuế với các đối tác như Lào, Hàn Quốc, Nga cùng các tổ chức quốc tế như SGATAR, IMF trong đó có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với những lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới, phức tạp như: chuyển giá, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, quyền đánh thuế giữa các quốc gia, thống kê thuế…

Công tác trao đổi thông tin quốc tế về thuế cũng đạt được những kết quả đáng kể. Chỉ tính riêng năm 2024, ngành Thuế đã tiến hành xử lý 56 trường hợp[[10]](#footnote-10) đề nghị trao đổi thông tin theo Hiệp định với cơ quan thuế các nước. Các hồ sơ tập trung nhiều vào sắc thuế TNDN, TNCN và GTGT (chủ yếu liên quan đến việc xác minh hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam phục vụ công tác kiểm tra hoàn thuế GTGT), góp phần tích cực vào công tác chống gian lận và tăng thu ngân sách nhà nước[[11]](#footnote-11).

Năm 2024 đánh dấu bước tiến mới trong hội nhập quốc tế khi ngành thuế tích cực tham gia các Cam kết quốc tế đa phương quan trọng. Trong đó bao gồm: ký Hiệp định đa phương về Hỗ trợ hành chính thuế (MAAC) giúp thực thi tốt hơn các luật thuế trong nước thông qua việc áp dụng các công cụ pháp lý quốc tế để trao đổi thông tin thuế và hợp tác về hành chính thuế nhằm chống trốn, và tránh thuế quốc tế và các hình thức không tuân thủ khác; đồng thời, Việt Nam đã tham gia Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC MCAA) và tiếp tục nghiên cứu để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét tham gia Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi tự động thông tin tài khoản tài chính (CRS MCAA). Bên cạnh đó, việc tham gia sáng kiến toàn cầu về thuế như BEPS (chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận) thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về thuế.

Những nỗ lực hội nhập quốc tế này không chỉ nâng cao năng lực quản lý thuế của Việt Nam mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của ngành thuế trong việc xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, minh bạch và phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Điều này góp phần quan trọng trong việc tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**2.2. Bất cập, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 cũng phát sinh một số tồn tại, hạn chế như sau:

**2.2.1. Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ**

Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật Quản lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế - những quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế, hợp đồng hợp tác kinh doanh*,* việc chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại), tổ chức lại doanh nghiệp, vướng mắc phát sinh từ pháp luật chuyên ngành về dầu khí đặc biệt là vướng mắc liên quan về đồng tiền kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí, thời hạn kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí. Nhóm thứ hai tập trung vào quy trình nộp thuế và ấn định thuế, trong đó nổi cộm là những bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, và đặc biệt là việc ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử. Đáng chú ý, công tác kiểm tra và thanh tra thuế cũng đang gặp nhiều trở ngại, điển hình là việc thiếu chế tài xử phạt đối với doanh nghiệp không ký xác nhận số liệu, cũng như hạn chế trong phân tích rủi ro hồ sơ khai thuế trên hệ thống TTR. Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế mà còn tạo ra những điểm mờ trong việc thực thi pháp luật, đòi hỏi cần có những điều chỉnh kịp thời và toàn diện.

**2.2.2. Chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số**

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số đã tạo ra những thách thức lớn mà khung pháp lý hiện hành của Luật Quản lý thuế chưa thể bắt kịp và điều chỉnh hiệu quả. Đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ, việc thiếu vắng các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến đang trở thành điểm nghẽn đáng kể. Tình trạng này càng trở nên phức tạp hơn đối với các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Mặt khác, việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi phải có những điều chỉnh căn bản trong cơ chế quản lý thuế. Những điều chỉnh này cần đảm bảo vừa tuân thủ các cam kết quốc tế, vừa tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời vẫn phải đảm bảo được tính công bằng trong cạnh tranh thương mại và không để thất thu ngân sách nhà nước.

**2.2.3. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số**

Quy định hiện hành trong Luật quản lý thuế thể hiện một số hạn chế nhất định trong việc ứng dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu quản lý, cụ thể:

- Chưa thiết lập cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý thuế.

- Các quy định về trách nhiệm cũng như cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan phục vụ công tác quản lý thuế chưa được đầy đủ, bao quát. Việc thay đổi thông tin số diễn ra hàng ngày, hàng giờ và việc quy định pháp lý thì không kịp điều chỉnh theo những diễn biến đó.

- Thiếu cơ sở pháp lý để sử dụng một cách hợp pháp các thông tin, dữ liệu được trao đổi với bên thứ ba phục vụ công tác quản lý thuế, nhất là sử dụng những thông tin cá nhân có tính bảo mật cao.

- Thiếu khung pháp lý cho việc triển khai đồng bộ tự động hóa quy trình nghiệp vụ cũng như giải quyết TTHC thuế tự động nhất là đối với các TTHC có tính chất liên thông, sử dụng thông tin dữ liệu từ nhiều bộ/ ngành/ địa phương.

Đây chính là một số hạn chế cần được cải thiện để tối đa hóa được việc khai thác sử dụng dữ liệu chia sẻ dùng chung của quốc gia, của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, giữa cơ quan thuế và các Doanh nghiệp, Tổ chức, chủ thể cung cấp thông tin khác nhằm mục tiêu hiện đại hóa công tác quản lý thuế theo định hướng chuyển đổi số của Chính phủ đang hướng tới.

- Ngày 14/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Công nghiệp Công nghệ số, trong đó có một số nội dung liên quan đến nghĩa vụ thuế, miễn giảm thuế đối với tài sản số như sản phẩm bán dẫn, tài sản mã hóa, dịch vụ công nghệ số ...tuy nhiên, Luật QLT hiện hành chưa có cơ chế quản lý rủi ro chuyên biệt với tiêu chí phù hợp với tính chất ngành: tốc độ phát triển nhanh, phi vật chất, dễ chuyển giao giá trị, khó định danh chính xác của đối tượng NNT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số do vậy cũng cần nghiên cứu đề xuất về cơ chế quản lý thuế đối với lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp.

**2.2.4. Hạn chế trong kiểm soát gian lận**

Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

**2.2.5. Chậm đổi mới theo xu hướng quốc tế**

Sự chậm trễ trong việc đổi mới công tác quản lý thuế theo xu hướng quốc tế đang là một điểm yếu đáng quan ngại. Trong khi các nước đã và đang tập trung mạnh mẽ vào số hóa toàn diện, triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến trong quản lý thuế, thì Việt Nam vẫn chưa theo kịp xu thế này. Điều này thể hiện qua ba khía cạnh chính: Thứ nhất, hệ thống quản lý thuế điện tử chưa được phát triển đồng bộ và toàn diện từ khâu kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế trực tuyến, dẫn đến chi phí quản lý cao và thiếu minh bạch trong quy trình thực hiện. Thứ hai, việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường trong giao dịch tài chính và kê khai thuế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả công tác quản lý rủi ro. Thứ ba, cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng để khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ, trong khi đây đang là xu hướng được các nước chú trọng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

**3. Nguyên nhân của các bất cập, hạn chế**

**3.1. Bối cảnh kinh tế và thương mại**

Sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu do tác động kép từ đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Điều này trực tiếp làm suy giảm khả năng tài chính và thu nhập của doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Đồng thời, xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và các giao dịch chuyển giá trong tập đoàn đa quốc gia. Những thay đổi này tạo ra những thách thức chưa có tiền lệ trong công tác quản lý thuế, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, khả năng dự báo và ứng phó của các cơ quan quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, dẫn đến những khoảng trống trong quản lý thuế đối với các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

**3.2. Hệ thống pháp lý và thực thi**

Hệ thống pháp lý và thực thi trong quản lý thuế đang bộc lộ những điểm yếu cốt lõi cần được giải quyết. Trước hết, tính thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành đã tạo ra những khoảng trống trong quản lý. Điều này xuất phát từ việc phải liên tục điều chỉnh các quy định để theo kịp bối cảnh kinh tế mới, dẫn đến sự chồng chéo và thiếu nhất quán trong thực thi.

Đáng chú ý hơn, thẩm quyền hạn hẹp của cơ quan thuế trong công tác thanh tra, kiểm tra đang là rào cản lớn trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Cụ thể, việc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề của Cơ quan thuế phải thông báo trước đến người nộp thuế; cơ quan thuế không có quyền khám xét đột xuất trụ sở, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế, không có quyền điều tra, thẩm vấn các đối tượng có liên quan để xác minh, làm rõ dấu hiệu tội phạm… Hạn chế này tạo cơ hội cho các đối tượng vi phạm có thời gian che giấu, xóa dấu vết và tiêu hủy chứng cứ.

Thêm vào đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra còn nhiều bất cập. Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm, quy trình chuyển hồ sơ giữa các cơ quan thường diễn ra chậm chạp, thiếu tính kết nối. Nhiều trường hợp hồ sơ tồn đọng do không được hồi báo hoặc hồi báo muộn, thậm chí khi chuyển trả về để xử lý hành chính thì đã quá thời hiệu. Hệ quả là hiệu quả răn đe trong xử lý vi phạm bị giảm sút đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực thực thi pháp luật thuế.

**3.3. Năng lực quản lý và nguồn lực**

Yếu tố năng lực quản lý và nguồn lực đang bộc lộ những điểm yếu đáng quan ngại trong hệ thống quản lý thuế. Trước hết, hạn chế nổi bật nhất là sự thiếu đồng bộ và chưa hoàn thiện của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan quản lý. Điều này không chỉ cản trở việc chia sẻ thông tin kịp thời mà còn làm giảm hiệu quả trong việc giám sát và quản lý người nộp thuế. Thêm vào đó, năng lực dự báo và phân tích tình hình kinh tế của đội ngũ quản lý còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc không nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường để đưa ra các chính sách phù hợp. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao - những người có khả năng thành thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu về các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như chuyển giá, thương mại điện tử. Tình trạng này càng trở nên đáng lo ngại trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi trình độ chuyên môn và khả năng xử lý các tình huống phức tạp ngày càng cao. Bên cạnh đó, việc thiếu các cơ chế đãi ngộ, khuyến khích và đào tạo phù hợp cũng góp phần làm trầm trọng thêm vấn đề thiếu hụt nhân sự chất lượng cao trong ngành thuế. Cuối cùng, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận không nhỏ người nộp thuế còn yếu kém, phản ánh sự thiếu hiệu quả trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế cũng như việc thực thi các biện pháp răn đe, xử phạt vi phạm.

**4. Những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn**

*Thứ nhất*, kể từ khi Luật Quản lý thuế được ban hành năm 2019, Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành một số Kết luận, Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến sự chưa đồng bộ pháp luật tại một số quy định của Luật QLT năm 2019 như:

- Tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu: *Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ.* Do đó, các quy định về thanh tra thuế tại Điều 107, Điều 108 và từ Điều 113 đến Điều 123 trong Luật QLT năm 2019 không còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu theo các quy định của OECD nhằm đảm bảo Việt Nam tuân thủ các quy định quốc tế về chống xói mòn cơ sở thuế. Theo đó, một số quy định về kê khai, nộp thuế tại Nghị quyết chưa được quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành.

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 giao Chính phủ ban hành Nghị định để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, các biện pháp để thực hiện chính sách thuế. để phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư. Do vậy, cần rà soát Luật QLT năm 2019 để sửa đổi quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thuế.

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (sửa đổi quy định về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương, phối hợp giữa các cơ quan, quy trình thủ tục hành chính đòi hỏi Luật Quản lý thuế phải được rà soát để sửa đổi quy định phù hợp với sự thay đổi trong phân cấp quản lý thuế giữa trung ương và địa phương đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp; sửa đổi quy định và trách nhiệm trong phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác giữa cơ quan thuế và các cơ quan địa phương trong quản lý thuế; điều chỉnh các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến thuế.

- Trong thời gian qua, các Luật thuế đã được ban hành (Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 19/11/2024; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 ngày 14/6/2025) và các Luật đã được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2027 (Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tài sản, Luật thuế Tài nguyên...) đã có những thay đổi nhất định cũng đặt ra yêu cầu phải thay đổi công tác quản lý thuế để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- *Thứ hai,* thực tiễn thi hành pháp luật về quản lý thuế cho thấy một số quy định tại Luật QLT hiện hành chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và quy định của Luật chuyên ngành như:

*+ Về quy định liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế*:

Quy định về nghiệp vụ quản lý thuế tại Luật QLT đã bộc lộ một số điểm nghẽn thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế, hợp đồng hợp tác kinh doanh, chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại), tổ chức lại doanh nghiệp, vướng mắc phát sinh từ pháp luật chuyên ngành về dầu khí đặc biệt là vướng mắc liên quan đến đồng tiền kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí, thời hạn kê khai, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí. Nhóm thứ hai về quy trình nộp thuế và ấn định thuế bộc lộ bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp, ấn định thuế đối với người nước ngoài đề nghị miễn thuế thu nhập cá nhân. Nhóm thứ ba liên quan đến công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ - hệ thống phân loại hồ sơ hoàn thuế hiện tại chưa tương thích với ứng dụng tự động, trong khi quy định về quản lý hóa đơn còn vướng mắc ở nhiều khía cạnh như thời điểm lập hóa đơn và áp dụng hóa đơn điện tử.

+ *Quy định về quản lý thuế chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số*: trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ nhưng chưa có các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến, của các doanh nghiệp công nghệ nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng vẫn thu được lợi nhuận đáng kể từ thị trường nội địa. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử ngày càng lớn nhưng số thu thuế lại rất nhỏ, không tương xứng với quy mô của loại hình kinh doanh này.

+ *Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:* chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử tiến tới quản lý thuế số còn thiếu và chưa đồng bộ. Hệ thống ứng dụng phục vụ nghiệp vụ quản lý thuế lõi hiện chưa được tập trung, đồng bộ đầy đủ các chức năng. Tốc độ chuyển đổi số trong quản lý thuế chưa theo kịp xu thế chung của thế giới là đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng.

+ *Hạn chế trong kiểm soát gian lận:* Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm không chỉ dừng lại ở việc kê khai sai lệch, giấu doanh thu hay lập hóa đơn khống đơn thuần, mà đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, liên quan đến nhiều chủ thể và địa bàn khác nhau. Đặc biệt nghiêm trọng là tình trạng gian lận trong các giao dịch xuyên biên giới, nơi kẽ hở về cơ chế giám sát và sự khác biệt giữa các hệ thống thuế quốc gia tạo điều kiện cho hành vi trốn thuế. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá, phân bổ lợi nhuận và các giao dịch phức tạp giữa các công ty liên kết để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước, cũng như thiếu các giải pháp công nghệ hiện đại để phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận. Điều này đòi hỏi cần có sự đổi mới toàn diện trong cả khung pháp lý và công cụ quản lý để tăng cường hiệu quả kiểm soát gian lận thuế.

**-** *Thứ ba,* xu hướng cải cách thuế hiện nay tập trung vào việc hiện đại hóa toàn diện hệ thống quản lý thuế thông qua chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số tiên tiến. Các nước đang đẩy mạnh xây dựng hệ thống thuế thông minh với khả năng tự động hóa cao, tích hợp đa nền tảng và thân thiện với người dùng. Họ chú trọng phát triển các giải pháp công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích rủi ro và quản lý thuế, đặc biệt là đối với các hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và kinh tế số. Song song với đó là việc tăng cường hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin thuế, chống chuyển giá và trốn thuế, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Các nước cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thuế chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng thích ứng với môi trường quản lý thuế hiện đại.

- *Thứ tư,* chủ trương xóa bỏ việc khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị đòi hỏi phải thay đổi cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hướng tất cả các hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện chế độ tự khai, tự nộp thuế và thực hiện sổ sách hóa đơn, chứng từ.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật Quản lý thuế.

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế đã nêu trên, bám sát định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho mục tiêu cải cách thủ tục hành chính (TTHC), vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, vừa đảm bảo yêu cầu quản lý thuế, việc xây dựng Luật Quản lý thuế thay thế cần tập trung xem xét theo **08** nhóm chính sách chính như sau:

**1. Chính sách 1: Các chức năng quản lý thuế**

Chính sách này nhằm hoàn thiện căn cứ pháp lý để đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người nộp thuế theo chủ trương của Quốc hội; định hướng tự động hóa, điện tử hóa của cơ quan quản thuế trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế; tăng cường sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý thuế; quản lý theo chức năng kết hợp quản lý theo đối tượng người nộp thuế; Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế; Đảm bảo việc thu ngân sách nhà nước được thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch và hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 190/2025/QH15. Theo đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đăng ký thuế: Quy định mang tính nguyên tắc về đăng ký thuế (trách nhiệm đăng ký thuế, trách nhiệm cung cấp thông tin đăng ký thuế) và mã số thuế (trách nhiệm sử dụng mã số thuế, các trường hợp chấm dứt hiệu lực, khôi phục mã số thuế). Từ các quy định mang tính nguyên tắc, giao Chính phủ quy định chi tiết về thời hạn đăng ký thuế; trách nhiệm hoàn thành thủ tục, nghĩa vụ thuế; Quản lý thuế đối với người nộp thuế trong thời hạn tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn; Quản lý thuế đối với người nộp thuế bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về mã số thuế, việc cấp mã số thuế và đối tượng, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế: Chỉ quy định mang tính nguyên tắc, đảm bảo tính ổn định, lâu dài; Các nội dung chi tiết giao Chính phủ, Bộ Tài chính quy định. Bổ sung quy định về khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hướng kế thừa quy định đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử tại Luật số 56/2024/QH15, bổ sung nội dung mới về việc phân nhóm hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mức doanh thu hằng năm để áp dụng phương pháp tính thuế; quy định về việckhai doanh thu, khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW về xóa bỏ hình thức khoán thuế. (*đồng thời rà soát sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp.)*

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nộp thuế, gia hạn nộp thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, xử lý chậm nộp tiền thuếtheo hướng quy định nguyên tắc về nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; Xử lý số tiền thuế nộp thừa, việc chậm nộp tiền thuế;Hoàn thành nghĩa vụ thuế và giao Chính phủ quy định chi tiết thời hạn, thời gian gia hạn, hồ sơ, thủ tục gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh tiền chậm nộp và việc hoàn thành nghĩa vụ thuế; giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền xử lý.

- Sửa đổi quy định về hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế để giải quyết hoàn thuế theo mức độ rủi ro. Sửa đổi quy định về miễn tiền chậm nộp một phần hoặc toàn bộ đối với trường hợp dự án chưa triển khai được vì nguyên nhân khách quan nhưng doanh nghiệp đã tự nguyện nộp đủ tiền sử dụng đất gốc. Từ các quy định nguyên tắc về các trường hợp hoàn thuế, phân loại hồ sơ hoàn thuế, thẩm quyền hoàn thuế, giao Chính phủ quy định các trường hợp hoàn thuế, không hoàn thuế; trường hợp hoàn thuế trước cho người nộp thuế hoặc kiểm tra trước hoàn thuế; thời hạn tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ đề nghị hoàn thuế của cơ quan quản lý thuế; trường hợp miễn thuế, giảm thuế; thời hạn tiếp nhận, giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế. Giao Bộ Tài chính quy định các trường hợp hoàn thuế, không hoàn thuế; hồ sơ hoàn thuế; Các trường hợp thuộc diện hoàn thuế trước cho người nộp thuế hoặc kiểm tra trước hoàn thuế; Thời hạn, trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế; bù trừ nợ qua hoàn thuế, trình tự, thủ tục, thẩm quyền hoàn thuế, thu hồi hoàn thu. Bổ sung quy định về các trường hợp miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khoanh nợ, xóa nợ: Quy định nguyên tắc về trường hợp khoanh nợ, xóa nợ; thẩm quyền khoanh nợ, xóa nợ. Sửa đổi quy định về khoanh nợ đối với khoản nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã phát sinh nhưng dự án chưa đủ điều kiện triển khai do nguyên nhân khách quan. Các quy định về thời gian, số tiền khoanh nợ, các trường hợp chấm dứt hiệu lực quyết định khoanh nợ, nội dung về xóa nợ đối với trường hợp bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa giao Chính phủ quy định. Các nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục khoanh nợ, xóa nợ giao Bộ Tài chính hướng dẫn.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm tra thuế: Bổ sung các quy định nguyên tắc chung mang tính đặc thù về kiểm tra thuế, trong đó có kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Đồng thời giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về kiểm tra thuế. Sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuếbao gồm thu thập thông tin liên quan đến hành vi trốn thuế và tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ấn định thuế bao gồm nguyên tắc chung về ấn định thuế (quy định các trường hợp ấn định thuế, giao Chính phủ quy định căn cứ ấn định thuế; phương pháp ấn định thuế; thẩm quyền, thủ tục ấn định thuế; trách nhiệm của người nộp thuế, người khai thuế; trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế) và ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và giao Chính phủ quy định chi tiết về ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

**2. Chính sách 2: Hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử**

Chính sách này nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc áp dụng hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử, yêu cầu tổ chức, cá nhân và hộ kinh doanh lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Theo đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hóa đơn điện tử: Quy định hóa đơn điện tử, nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử, dịch vụ về hóa đơn điện tử. Giao Chính phủ quy định chi tiết loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục, xử lý hóa đơn, mẫu hóa đơn,…

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chứng từ điện tử: Quy định chứng từ điện tử, nguyên tắc sử dụng, dịch vụ về chứng từ điện tử. Giao Chính phủ quy định chi tiết về loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập; kết nối, truyền dữ liệu; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc đăng ký sử dụng chứng từ điện tử; định dạng, xử lý chứng từ điện tử; ký hiệu mẫu, ký hiệu và mẫu chứng từ điện tử tham khảo.

**3. Chính sách 3: Hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế**

Chính sách sửa đổi tập trung hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý thuế quốc tế theo hướng đầy đủ và đồng bộ hơn. Thể chế hóa định hướng hội nhập quốc tế về thuế theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính - thuế.

Tăng cường hiệu lực và hiệu quả thực hiện các nghĩa vụ thuế quốc tế mà Việt Nam là thành viên, góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Ngăn ngừa hiệu quả tình trạng lợi dụng chênh lệch pháp luật thuế giữa các quốc gia để trốn thuế, tránh thuế, chuyển lợi nhuận, bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế về thuế tối thiểu toàn cầu, trao đổi tự động thông tin tài khoản tài chính (CRS), Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC) theo chuẩn mực của OECD/G20. Đồng thời, cụ thể hóa nội dung hợp tác song phương và đa phương trong lĩnh vực thuế.

Góp phần xây dựng môi trường thuế minh bạch, công bằng, hiện đại và hội nhập, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển kinh tế số, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp xuyên quốc gia và giao dịch liên kết.

Cụ thể, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định:

- Quy định rõ ràng phạm vi hợp quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế bao gồm: đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết; và thực hiện các cam kết quốc tế, nghĩa vụ thành viên khi tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế.

- Bổ sung 03 nguyên tắc nền tảng trong hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế: tôn trọng chủ quyền, bình đẳng – cùng có lợi; tuân thủ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo mật thông tin và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế.

- Bổ sung các nội dung trong công tác quản lý thuế quốc tế: Đối tượng quản lý thuế quốc tế; Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế trong quản lý thuế quốc tế. Giao Chính phủ quy định việc quản lý thuế đối với một số trường hợp và giao Bộ Tài chính quy định nội dung, quy trình, thủ tục ký và thực hiện các cam kết quốc tế.

- Bổ sung quy định riêng về nguyên tắc thực hiện MAP, APA: chi tiết về điều kiện, hiệu lực và hình thức của APA; cơ sở thực hiện kết quả MAP theo Hiệp định thuế.

**4. Chính sách 4: Quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ**

Chính sách này tập trung vào việc chuyển đổi từ quản lý thuế truyền thống sang mô hình quản lý dựa trên mức độ tuân thủ và rủi ro, phù hợp với xu hướng quốc tế; Nâng cao hiệu quả quản lý thuế và tối ưu hóa nguồn lực; Tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng; Phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi không tuân thủ; Thúc đẩy tuân thủ tự nguyện và đảm bảo tính minh bạch và công khai. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định như sau:

- Bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, tối ưu hóa nguồn lực của cơ quan quản lý thuế; Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và khuyến khích người nộp thuế tự giác tuân thủ pháp luật thuế; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế; Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi không tuân thủ pháp luật thuế.

- Bổ sung quy định quản lý rủi ro trong quản lý thuế: Quy định về việc quản lý rủi ro trong quản lý thuế của cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan. Từ đó giao Bộ Tài chính tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ quản lý thuế.

- Bổ sung quy định quản lý tuân thủ trong quản lý thuế: Quy định về việc quản lý tuân thủ trong quản lý thuế của cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan. Đồng thời, giao Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và các hoạt động quản lý tuân thủ trong quản lý thuế.

**5. Chính sách 5: Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của bên liên quan trong quản lý thuế**

Việc sửa đổi, bổ sung quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của bên liên quan trong quản lý thuế nhằm đạt được mục tiêu tổng quát là hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý thuế, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và hiện đại. Chính sách hướng tới việc tạo ra khung pháp lý rõ ràng, minh bạch cho quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quản lý thuế, đồng thời nâng cao hiệu quả thu thuế và tuân thủ pháp luật thuế trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi số.

Cụ thể hơn, chính sách tập trung vào việc cân bằng quyền lợi và nghĩa vụ giữa người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, tạo nền tảng cho việc hiện đại hóa quản lý thuế thông qua ứng dụng công nghệ số. Đặc biệt, chính sách nhấn mạnh việc tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý thuế và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế được bảo vệ một cách toàn diện trong môi trường pháp lý mới. Cụ thể, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định sau:

- Sửa đổi quy định về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế để bổ sung quyền ưu tiên thủ tục hành chính cho những người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế và bổ sung những nghĩa vụ quan trọng để đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới.

- Sửa đổi quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế với những bổ sung quan trọng để hiện đại hóa hoạt động quản lý thuế (Việc ứng dụng công nghệ; Quyền mua và sử dụng thông tin, dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế bằng việc quy định chung về "các Bộ, ngành liên quan" để giao Chính phủ quy định chi tiết mà không quy định cụ thể từng Bộ, ngành như Luật hiện hành để thực hiện chủ trương xây dựng Luật theo hướng Luật khung, Luật ống, không quy định chi tiết nhiệm vụ của các Bộ, ngành.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế, được phân nhóm rõ ràng theo đối tượng gồm cơ quan thông tin báo chí, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, và các tổ chức, cá nhân khác. Bổ sung trách nhiệm của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức trung gian thanh toán trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan thuế.

**6. Chính sách 6: Khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp**

Chính sách khiếu nại, tố cáo và khởi kiện thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc: Bảo vệ quyền con người, quyền công dân; Kiểm soát quyền lực nhà nước, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Bảo đảm công bằng xã hội và thượng tôn pháp luật và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Giải quyết tranh chấp thuế có yếu tố nước ngoài giữa người nộp thuế nước ngoài và cơ quan thuế Việt Nam thông qua các phương thức như khiếu nại hành chính, tố tụng hành chính, và đặc biệt là cơ chế quốc tế nếu có thỏa thuận quốc tế về thuế hoặc các điều ước quốc tế liên quan. Cơ chế giải quyết tranh chấp thuế phải phù hợp với các quy định trong hiệp định tránh đánh thuế hai lần, thỏa thuận quốc tế về thuế mà Việt Nam là thành viên hoặc bên ký kết. Quy trình giải quyết tranh chấp phải đảm bảo tính công bằng, minh bạch, và hiệu quả cho các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Cụ thể, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về Khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp về thuế: Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền khiếu nại, tố cáo và thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Bổ sung quy định mới về Giải quyết tranh chấp về thuế có yếu tố nước ngoài.

- Giữ nguyên quy định về Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế và quy định về Khởi kiện.

**7. Chính sách 7: Xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế**

Chính sách về Xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế nhằm nâng cao ý thức tuân thủ và tự giác chấp hành pháp luật về thuế, quản lý thuế của người nộp thuế, cán bộ thuế, cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế, thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước. Theo đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định như sau:

*Về xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế:*

- Quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Về cơ bản, các nội dung về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được giữ nguyên so với quy định tại Luật QLT. Bổ sung nội dung giao quyền cho Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với chứng từ điện tử trong quản lý thuế.

- Sửa đổi quy định các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế: Khái quát các hành vi vi phạm về thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu. Quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt hành vi vi phạm đối với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, người bảo lãnh nộp tiền thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế: Bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết Điều này để quy định chi tiết và đảm bảo cơ sở pháp lý khi thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Bổ sung thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

*Về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế*

- Cơ bản kế thừa, giữ nguyên quy định về Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế so với Luật QLT hiện hành.

- Sửa đổi quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo hướng gom các Điều quy định liên quan đến các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và giao Chính phủ quy định chi tiết từng biện pháp cưỡng chế và trình tự thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

- Cơ bản kế thừa, giữ nguyên quy định về Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

**8. Chính sách 8: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế**

Thực hiện chủ trương, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW “*Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu*” và Nghị quyết số 68-TW/NQ “ *Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm,... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp*”. Công tác quản lý thuế cần được thực hiện trên nền tảng số hóa dựa trên dữ liệu và công nghệ nhằm cắt giảm TTHC, tăng cường tính minh bạch, cải thiện hiệu suất trong quản lý thuế thông qua tự động hóa quy trình nghiệp vụ, và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp với việc cung dịch vụ thuế số cho người nộp thuế.

Theo đó, chính sách này sửa đổi, bổ sung các quy định như sau:

- Bổ sung nguyên tắc chuyển đổi số trong quản lý thuế nhằm đảm bảo định hướng hiện đại hóa toàn diện trong công tác quản lý thuế với việc chuyển đổi mô hình quản lý từ thủ công, phân tán sang mô hình quản lý sang mô hình quản lý điện tử, tích hợp và theo thời gian thực. Giao Chính phủ quy định chi tiết về việc Nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế.

- Bổ sung quy định về hệ thống công nghệ thông tin quản lý thuế: Khẳng định vai trò trung tâm của hệ thống CNTT trong quản lý thuế là một hệ thống tích hợp, tập trung, hiện đại, nhằm số hóa toàn bộ quy trình quản lý và cung cấp dịch vụ thuế. Yêu cầu hệ thống phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời và liên tục, đồng thời có khả năng kết nối với các hệ thống khác trong và ngoài ngành tài chính và là cơ sở để thực hiện quản lý thuế theo phương pháp phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro.

- Bổ sung quy định về bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ: Thống nhất về mặt nguyên tắc về trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các bên liên quan trong việc bảo đảm an toàn dữ liệu của người nộp thuế, thực hiện quản lý rủi ro công nghệ, tạo lập niềm tin của người nộp thuế để NNT sẵn sàng phối hợp với cơ quan thuế trong việc triển khai các giải pháp chuyển đổi số. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của hệ thống thông tin quản lý thuế dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế trong thời gian xảy ra sự cố. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Quản lý thuế và một số đề xuất, kiến nghị của Bộ Tài chính đối với dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Bộ Tư pháp;  - Vụ PC-BTC;  - Lưu: VT, CT (VT, PC, CS 3b). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Cao Anh Tuấn** |

1. (1) Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ; (3) Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (4) Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; (5) Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (6) Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; (7) Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (8) Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 quy định ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh; (9) Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ. [↑](#footnote-ref-1)
2. (1) Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; (2) Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế; (3) Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; (4) Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; (5) Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá; (6) Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế; (7) Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (8) Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; (9) Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; (10) Thông tư số 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (11) Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (12) Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 quy định về đăng ký thuế. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điểm đánh giá hài lòng chung về CQT: 89,1%. Điểm chỉ số hài lòng trung bình của 64 Cục Thuế (nay là Thuế tỉnh, thành phố) theo lĩnh vực chức năng: 87,5% (trong đó, Công tác xây dựng CS, pháp luật thuế: 87,4%, Cung cấp dịch vụ công: 87,8%, Tiếp nhận giải quyết TTHC thuế: 87,8%, Công tác thanh tra kiểm tra thuế: 87,2%, Công tác xử lý KNTC: 87,5%). [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong đó, DN, tổ chức chiếm tỷ lệ 57,4%, Hộ, CNKD chiếm tỷ lệ 42,6% tổng số NNT tham gia đánh giá. [↑](#footnote-ref-4)
5. Số nộp thuế điện tử năm 2025 cập nhật đến ngày 20/6/2025 [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục Thuế. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quyết định số 1388/QĐ-TCT ngày 18/9/2023 của Tổng cục Thuế về việc áp dụng QLRR trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế. [↑](#footnote-ref-7)
8. Thu nội địa năm 2020 đạt 1,294 triệu tỷ đồng (đạt 100,2% dự toán,), năm 2021 đạt 1,313 triệu tỷ đồng năm 2021 (vượt 15,9% dự toán), năm 2022 đạt 1,448 triệu tỷ đồng (vượt 22,9% dự toán), năm 2023 đạt 1,484 triệu tỷ đồng (vượt 11,2% dự toán), năm 2024 đạt 1,712 triệu tỷ đồng (vượt 18,5% so với dự toán) [↑](#footnote-ref-8)
9. Đã bao gồm số thu NSNN từ các nhà cung cấp nước ngoài [↑](#footnote-ref-9)
10. 35 trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài cung cấp thông tin (bao gồm các hồ sơ tiếp tục xử lý từ năm 2023); 06 trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam cung cấp thông tin; 05 trường hợp trao đổi thông tin tự nguyện do nước ngoài cung cấp. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo báo cáo của các Cục Thuế địa phương (nay là Thuế tỉnh, thành phố), thông qua công tác trao đổi thông tin với Cơ quan thuế nước ngoài trong giai đoạn 2020-2024, đã giúp ngành Thuế truy thu cho NSNN tổng số tiền khoảng 61.340 triệu VNĐ. Trong đó, năm 2020 là 8.506 triệu VNĐ, năm 2021 là 600 triệu VNĐ, năm 2022 là 29.723 triệu VNĐ, năm 2023 là 17.201 triệu VNĐ và năm 2024 là 5.301 triệu VNĐ. [↑](#footnote-ref-11)